

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

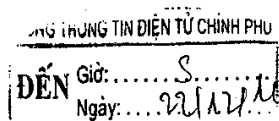
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88 /2016/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quyết toán dự án hoàn thành và xử lý vi phạm quy định quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2694/TTr-STC ngày 15 tháng 9 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quyết toán dự án hoàn thành và xử lý vi phạm chế độ quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, gồm 03 chương, 13 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2016.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- TVTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- VPUB: LĐ, QH XD, TH;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hậu

QUY CHẾ PHỐI HỢP

Trong công tác quyết toán dự án hoàn thành và xử lý vi phạm quy định về quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số 88 /2016/QĐ-UBND ngày 06 / 12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (dưới đây gọi chung là các sở, ban, ngành cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các đơn vị liên quan trong công tác quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại địa phương về công tác quyết toán dự án hoàn thành và xử lý hành vi vi phạm quy định về quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Điều 3. Mục đích

Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước địa phương về công tác quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo hoạt động hiệu quả của các cơ quan, đơn vị phối hợp.
2. Nội dung phối hợp phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, các cấp chính quyền địa phương.
3. Công tác phối hợp quản lý phải đảm bảo tính thống nhất, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân

cấp huyện và theo quy định của pháp luật nhằm giải quyết các thủ tục hành chính nhanh, gọn.

4. Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp.
5. Bảo đảm yêu cầu chuyên môn, chất lượng và thời hạn phối hợp.
6. Chịu trách nhiệm về nội dung; kết quả phối hợp.
7. Việc phối hợp giữa các cơ quan phải phục vụ lợi ích chung, tôn trọng chức năng, nhiệm vụ của các bên tham gia theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, tạo điều kiện để các bên hoàn thành nhiệm vụ được giao.
8. Trong quá trình phối hợp quản lý phải xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp để làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, tránh chồng chéo, trùng lặp. Đối với nhiệm vụ liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành do Sở Tài chính chủ trì; Các nhiệm vụ liên quan đến trình tự, thủ tục đầu tư; công tác thanh kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ do Sở Xây dựng chủ trì.

Điều 5. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung công việc cần phối hợp với các cơ quan khác, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng một trong các phương thức phối hợp sau đây:

1. Phát hành văn bản hoặc gửi hồ sơ đề nghị cơ quan phối hợp tham gia ý kiến. Các cơ quan được đề nghị tham gia ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì.
 2. Tổ chức họp, trong trường hợp cần thiết thì lập biên bản để làm cơ sở xác định trách nhiệm các bên phải tiến hành theo thẩm quyền, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm cử người đi họp, ý kiến phát biểu của người được cử đi họp được xem là ý kiến chính thức của đơn vị. Trường hợp có một hoặc các bên không thống nhất nội dung thì được bảo lưu ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.
 3. Đối với các vướng mắc thuộc thẩm quyền ban hành văn bản của Trung ương đã được các Bộ chuyên ngành có văn bản giải đáp cho các trường hợp tương tự thì thống nhất áp dụng các văn bản đó để xử lý. Đối với các vướng mắc thuộc thẩm quyền ban hành văn bản của Trung ương chưa được các Bộ chuyên ngành có văn bản giải đáp cho các trường hợp tương tự, sở Xây dựng có văn bản đề nghị các Bộ chuyên ngành hướng dẫn giải quyết theo chức năng;
- Đối với dự án, công trình có khối lượng phát sinh nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép thì cơ quan thẩm tra được phép loại trừ khỏi giá trị quyết toán trình Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt.

4. Cơ quan phối hợp cử công chức lãnh đạo, công chức chuyên môn nghiệp vụ vững vàng để giúp cơ quan chủ trì giải quyết công việc nhanh chóng, thuận lợi và đảm bảo đúng nguyên tắc phối hợp.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 6. Nguyên tắc xác định trách nhiệm và xử lý khi có vi phạm trong công tác quyết toán

1. Nguyên tắc xác định trách nhiệm

a) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý chi phí đầu tư xây dựng từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc đầu tư dự án; có trách nhiệm quyết toán dự án hoàn thành, quyết toán chi phí quản lý dự án và tất toán tài khoản các dự án đã kết thúc đầu tư (bao gồm các dự án đầu tư dở dang bị ngừng thực hiện vĩnh viễn, dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển; chi phí chuẩn bị đầu tư của dự án được huỷ bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền) tại Kho bạc Nhà nước tỉnh và Kho bạc Nhà nước cấp huyện theo đúng thời hạn quy định của Bộ Tài chính.

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện (ngoài chức năng làm chủ đầu tư); Kho bạc Nhà nước tỉnh và Kho bạc Nhà nước cấp huyện có trách nhiệm phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các chủ đầu tư đối với những nội dung thuộc phạm vi quản lý trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, tạo điều kiện để chủ đầu tư hoàn thành công tác quyết toán và tất toán tài khoản theo quy định.

2. Nguyên tắc xử lý khi có vi phạm

a) Khi phát hiện vi phạm quy định về quyết toán dự án hoàn thành của chủ đầu tư và các nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền đang thi hành công vụ và cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành được phép lập biên bản, trình cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm.

b) Đối với những vi phạm quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền xử lý của nhiều cơ quan thì cơ quan nào phát hiện trước, cơ quan đó tiến hành xử lý vi phạm theo đúng các nguyên tắc quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Nghị định 121/2013/NĐ-CP.

Điều 7. Nội dung phối hợp

Nội dung phối hợp giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị khác:

1. Phối hợp trong công tác quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công theo chức năng quản lý nhà nước;

2. Phối hợp giải quyết vướng mắc trong công tác quyết toán, thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành;

3. Phối hợp xử lý các vi phạm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành kịp thời, đầy đủ nội dung theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC hoặc văn bản thay thế (nếu có);

b) Sau khi nhận đủ hồ sơ báo cáo quyết toán của chủ đầu tư: Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đầy đủ nội dung và yêu cầu quy định, thời gian tối đa 2 tháng đối với dự án nhóm B, 1 tháng đối với dự án nhóm C (bao gồm dự án lập báo cáo kinh tế kỹ thuật) có sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành;

d) Hướng dẫn, đôn đốc, tạo điều kiện để chủ đầu tư hoàn thành việc giải quyết công nợ và tất toán tài khoản của dự án đã được phê duyệt quyết toán;

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư hàng năm;

b) Tổng hợp những vướng mắc, khó khăn để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải pháp khắc phục tình trạng chậm trễ trong việc hoàn thiện các thủ tục đầu tư, đấu thầu;

c) Tổ chức giám sát để phát hiện và xử lý kịp thời các hiện tượng tiêu cực trong quản lý đầu tư xây dựng, trong đấu thầu, chỉ định thầu;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh không giao dự án đầu tư mới cho chủ đầu tư, ban quản lý dự án có dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên theo quy định về thời gian lập báo cáo quyết toán tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); không bố trí kế hoạch vốn để thanh toán số vốn còn thiếu cho các dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 12 tháng trở lên; không cho phép nhà thầu đang có hợp đồng vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán hợp đồng được tham gia đấu thầu dự án mới.

3. Sở Xây dựng

a) Có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và thanh tra, kiểm tra các hoạt động của các Chủ Đầu tư trong phạm vi các lĩnh vực quản lý nhà nước về xây dựng theo quy định của pháp luật. Thực hiện trách nhiệm được quy định tại Nghị định số 121/2013/NĐ-CP;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở quản lý xây dựng chuyên ngành, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân huyện để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc về số liệu, chất lượng công trình (hạng mục công trình) trong trường hợp chưa có sự thống nhất giữa chủ đầu tư và đơn vị thẩm tra quyết toán dự án.

4. Kho bạc Nhà nước

a) Đôn đốc, hướng dẫn chủ đầu tư lập thủ tục thanh toán khối lượng xây dựng đã thực hiện, các khoản nợ đọng; Phối hợp với Chủ Đầu tư và các đơn vị liên quan thu hồi các khoản thanh toán vượt giá trị quyết toán được phê duyệt;

b) Thực hiện kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã thanh toán theo Mẫu số 03/QTDA kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ và đề nghị của Chủ đầu tư;

c) Thực hiện tất toán tài khoản của các dự án đã được phê duyệt quyết toán theo quy định;

d) Có quyền tạm dừng thanh toán các khoản chi từ ngân sách nhà nước đối với chủ đầu tư không kịp thời xử lý công nợ và số dư tạm ứng theo quyết toán được duyệt.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện kiểm tra giám sát theo định kỳ hàng tháng, quý, năm về tiến độ thực hiện dự án của các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý; về chấp hành quy định về nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành và quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;

b) Bố trí đủ vốn để thanh toán cho các dự án đã phê duyệt quyết toán thuộc nguồn vốn ngân sách phân cấp cho huyện, thành phố.

c) Chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu thực hiện một số nhiệm vụ:

- Hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành kịp thời, đầy đủ nội dung theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC hoặc văn bản thay thế (nếu có);

- Hướng dẫn chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành;

- Hướng dẫn, đôn đốc, tạo điều kiện để chủ đầu tư hoàn thành việc giải quyết công nợ và tất toán tài khoản của dự án sau khi phê duyệt quyết toán;

- Sau khi nhận đủ hồ sơ báo cáo quyết toán của chủ đầu tư: Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đầy đủ nội dung và yêu cầu quy định, thời gian tối đa 2 tháng đối với dự án nhóm B, 1 tháng đối với dự án nhóm C (*bao gồm dự án lập báo cáo kinh tế kỹ thuật*) có sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc ngân sách cấp huyện, xã theo luật định và do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định đầu tư;

- Tham mưu bố trí đủ vốn để thanh toán cho các dự án đã phê duyệt quyết toán.

- Trong quá trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành phát hiện chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu có sai sót, vi phạm về công tác quyết toán dự án hoàn thành, phải thực hiện lập biên bản, kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử phạt theo quy định tại Nghị định số 121/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án

a) Kể từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng, chậm nhất là 3 tháng đối với đối với dự án nhóm C (*bao gồm dự án lập báo cáo kinh tế kỹ thuật*), 6 tháng đối với dự án nhóm B, Chủ đầu tư phải lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành với đầy đủ nội dung theo quy định hiện hành, trình cấp thẩm quyền thẩm tra và phê duyệt theo đúng quy định;

b) Cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành ~~theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra, cơ quan kiểm toán và chịu trách nhiệm về~~ tính chính xác đối với số liệu, tính pháp lý đối với tài liệu trong hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

c) Chậm nhất là 6 tháng kể từ khi có Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí vốn để thanh toán các khoản công nợ của dự án; Khi đã được bố trí vốn, có văn bản gửi đến Kho bạc nhà nước đề nghị phối hợp xử lý công nợ của dự án (theo hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước) và làm thủ tục tất toán tài khoản đầu tư của dự án.

7. Các tổ chức tư vấn đầu tư, nhà thầu xây lắp, nhà thầu cung ứng thiết bị

a) Kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo Hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có); chậm nhất là 2 tháng đối với các dự án nhóm C (*bao gồm dự án nhóm lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật*), 3 tháng đối với các dự án nhóm B, các nhà thầu phải thực hiện quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư theo quy định, hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán thuộc phạm vi trách nhiệm thực hiện và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan cung cấp cho chủ đầu tư;

b) Cùng với chủ đầu tư xử lý các vấn đề còn tồn tại theo hợp đồng đã ký kết và hoàn trả đầy đủ, kịp thời số vốn mà chủ đầu tư đã chi trả vượt so với số đã được phê duyệt quyết toán (nếu có) trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

Điều 9. Trách nhiệm trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công

- Đối với xử lý vi phạm hợp đồng giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu: Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn Chủ đầu tư căn cứ các điều khoản của hợp đồng về xử lý vi phạm hợp đồng để thực hiện.

- Đối với xử lý vi phạm thời gian quyết toán dự án hoàn thành:

Sở Xây dựng và các Sở chuyên ngành trong quá trình thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở chủ đầu tư, các nhà thầu thực hiện quyết toán dự án hoàn thành đúng thời gian quy định hiện hành, nếu phát hiện vi phạm phải lập biên bản và xử phạt theo thẩm quyền.

Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán trong quá trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành nếu phát hiện vi phạm có quyền lập biên bản và gửi đến sở Xây dựng để xem xét, xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị khác

~~Các Sở quản lý chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng~~ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp cùng với các Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ một số nội dung vượt thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 12. Những quy định khác không được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 13. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, giao Sở Tài chính tổng hợp, trao đổi thống nhất với các cơ quan chức năng có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hậu